

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)
Môn học phần: 0714001611 - Hóa học
2

Ngày thi: / /2021

Nhóm:

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Mã đề	Ký tên	Điểm	
								Bảng số	Bảng chữ
1	19000795	Phạm Thị Phương	Anh	22/09/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 10		7.3	Bảy ba
2	19000923	Trần Hùng	Anh	21/04/2003	19T4-TKĐ2	Đề tài số 11		4.0	Bốn chẵn
3	19001131	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	11/08/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 12		7.5	Bảy năm
4	19000956	Đình Trung	Hiếu	09/03/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 13		7.0	Bảy chẵn
5	19000740	Phan Ngọc Nguyên	Khanh	02/09/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 14		7.0	Bảy chẵn
6	19000778	Phạm Nguyễn Hoàng	Kim	27/05/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 15		6.0	Sáu chẵn
7	19000937	Ngô Minh	Nhật	29/10/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 16		5.3	Năm ba
8	19000753	Trần Nguyễn Phương	Nhi	01/08/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 17		6.0	Sáu chẵn
9	19001228	Hoàng Gia Bảo	Phúc	25/08/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 18		8.3	Tám ba
10	19000728	Nguyễn Huỳnh Tú	Quyên	09/07/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 19		6.0	Sáu chẵn
11	19000696	Nguyễn Thị Thu	Thảo	06/12/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 20		6.3	Sáu ba
12	19001327	Nguyễn Việt Ngọc	Vỹ	05/11/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 21		8.0	Tám chẵn
13	19001028	Nguyễn Thị Kim	Anh	06/08/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 22		6.5	Sáu năm
14	19001233	Nguyễn Trần Hoàng	Anh	23/04/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 23		8.5	Tám năm
15	19001242	Phan Thị Lan	Anh	02/11/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 24		6.5	Sáu năm
16	19001252	Nguyễn Thế	Bảo	08/07/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 25		8.3	Tám ba
17	19000835	Phạm Minh	Châu	27/04/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 26		9.0	Chín chẵn
18	19001209	Trần Nguyễn Khánh	Duy	13/10/2003	19T4-TKĐ2	Đề tài số 27		4.5	Bốn năm
19	19001074	Nguyễn Xuân	Hải	20/11/2003	19T4-TKĐ2	Đề tài số 28		6.5	Sáu năm
20	19001286	Nguyễn Tấn	Hưng	09/04/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 29		7.5	Bảy năm
21	19000900	Nguyễn Gia	Huy	10/07/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 31		7.8	Bảy tám
22	19000917	Lê Đình	Khánh	23/04/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 32		5.0	Năm chẵn
23	19001743	Đỗ Bảo	Long	30/01/2002	19T4-TKĐ2	Đề tài số 33		7.5	Bảy năm
24	19000692	Nguyễn Thành	Long	07/10/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 34		6.8	Sáu tám
25	19000880	Thòng Đức Minh	Luân	08/09/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 35		6.5	Sáu năm
26	19001343	Nguyễn Thị Kiều	My	27/08/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 36		6.8	Sáu tám
27	19000751	Lại Huỳnh Thanh	Nghi	09/11/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 37		5.0	Năm chẵn
28	19000366	Hình Ngọc	Nhi	24/04/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 38		6.5	Sáu năm
29	19001205	Nguyễn Trần Dung	Nhi	18/01/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 39		7.5	Bảy năm
30	19001450	Đoàn Quỳnh	Như	28/07/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 40		7.5	Bảy năm
31	19001207	Huỳnh Ngọc Thanh	Phong	03/03/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 41		5.8	Năm tám
32	19000652	Trần Phạm Ngọc	Phú	24/12/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 42		7.8	Bảy tám
33	19001225	Nguyễn Thiên	Phúc	12/03/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 43		7.0	Bảy chẵn
34	19001236	Nguyễn Mỹ	Phương	02/12/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 44		7.3	Bảy ba
35	19000763	Nguyễn Hoàng	Quân	24/02/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 45		5.8	Năm tám
36	19001846	Võ Tú	Quyên	18/03/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 46		7.3	Bảy ba
37	19001214	Nguyễn Dương Ngọc	Quỳnh	21/09/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 47		5.0	Năm chẵn
38	19000764	Vũ Như	Quỳnh	14/11/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 48		6.3	Sáu ba
39	19000721	Nguyễn Huỳnh	Tài	11/03/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 49		4.5	Bốn năm
40	19001265	Nguyễn Hoàng Anh	Tâm	24/09/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 50		0.0	Không điểm
41	19001866	Phạm Hà	Tâm	10/12/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 1		5.3	Năm ba

42	19001113	Phạm Huỳnh Minh	Thư	11/10/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 2		6.8	Sáu tám
43	19000720	Trần Thái Thủy	Tiên	11/06/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 3		8.8	Tám tám
44	19001250	Nguyễn Thanh	Toàn	04/10/2003	19T4-TKĐ2	Đề tài số 4		8.0	Tám chẵn
45	19003239	Dương Quốc	Trung	15/11/2003	19T4-TKĐ2	Đề tài số 45		5.0	Năm chẵn
46	19001011	Trần Thảo	Vy	05/08/2004	19T4-TKĐ2	Đề tài số 6		0.0	Không điểm

Ghi chú:

Danh sách gồm 46 sinh viên.

Số dự kiểm tra là __44__ sinh viên.

Số vắng kiểm tra là __02__ sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Hà

Lê Văn Bình

TP. HCM, ngày tháng năm 20
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

[illegible]

.....

DANH SÁCH

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)

Ngày thi: / /

Môn học phần: 0714001611 - Hóa học 2

Giờ thi:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				

14				
15				
16				
17				
18				
19				
20				
21				
22				
23				
24				
25				
26				
27				
28				
29				
30				
31				
32				

33				
34				
35				
36				
37				
38				
39				
40				
41				
42				
43				
44				
45				
46				
47				
48				
49				
50				
51				

52				
53				
54				
55				
56				
57				
58				
59				
60				
61				
62				
63				
64				
65				
66				
67				
68				
69				
70				

Ghi chú:

Danh sách gồm 70 sinh viên.

Số dự kiểm tra là _____ sinh viên.

Số vắng kiểm tra là _____ sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

=====

Phòng:

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

TP. HCM, ngày tháng năm 20.....

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

0.....